

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG, HỆ THỐNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, TỔ CHỨC CÓ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH / CĂN CỨ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG		
Điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16: “Hội đồng nhân dân Thành phố quy định: a) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số...”	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh. Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố, gồm: (1) nội dung cơ chế, chính sách; (2) tiêu chí, trình tự, thủ tục hưởng chính sách. Kế thừa cấu trúc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND của thành phố Hà Nội. Phạm vi điều chỉnh bám sát đúng, đủ nội dung được giao tại điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị, không mở rộng hay thu hẹp so với thẩm quyền được giao.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh. Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố, gồm: (1) nội dung cơ chế, chính sách; (2) tiêu chí, trình tự, thủ tục hưởng chính sách. Kế thừa cấu trúc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND của thành phố Hà Nội. Phạm vi điều chỉnh bám sát đúng, đủ nội dung được giao tại điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị, không mở rộng hay thu hẹp so với thẩm quyền được giao.
Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP (điều kiện tổ chức khoa học và công nghệ,	Điều 2. Đối tượng áp dụng. 1. Tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công	Đối tượng áp dụng được xác định thống nhất, dẫn chiếu đúng khái niệm, tiêu chí đã có tại Nghị định số 262/2025/NĐ-CP và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP,

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH / CĂN CỨ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
hạ tầng nghiên cứu); Nghị định số 268/2025/NĐ-CP (điều kiện công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo)	nghệ và đổi mới sáng tạo xây dựng, nâng cấp hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố bao gồm: a) Tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi chung là “Tổ chức”). b) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ số và các loại hình doanh nghiệp khác có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi chung là “Doanh nghiệp”). 2. Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được công nhận theo quy định của pháp luật; tổ chức được thành lập hợp pháp có đề án phát triển, hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh hoặc phát triển Trung tâm hướng đến đáp ứng tiêu chí cấp quốc gia và tầm cỡ quốc tế theo đề án, kế hoạch của Thành phố (sau đây gọi chung là “Trung tâm”). 3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	không đặt thêm điều kiện, tiêu chí về chủ thể ngoài quy định của pháp luật chuyên ngành.
Khoản 5 Điều 5, Điều 9 Luật số 93/2025/QH15 (quyền tự	Điều 3. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ 1. Ưu tiên nguồn lực của Thành phố cho các lĩnh vực trọng	Kế thừa nguyên tắc cốt lõi của Nghị quyết Hà Nội (Nghị quyết xác lập 07 nguyên tắc thực hiện hỗ trợ cốt lõi: (1) Ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực công nghệ trọng điểm của

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH / CĂN CỨ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
chủ, chấp nhận rủi ro)	điểm về khoa học và công nghệ của Thành phố, phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố. 2. Việc xét chọn đối tượng hỗ trợ được thực hiện công khai, minh bạch, có tính cạnh tranh bình đẳng. 3. Nguyên tắc đánh giá hiệu quả đầu ra và chấp nhận rủi ro: a) Việc hỗ trợ được đánh giá và nghiệm thu dựa trên kết quả đầu ra, hiệu quả khai thác thực tế và mức độ đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; b) Việc hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được áp dụng cơ chế chấp nhận rủi ro. 4. Nguyên tắc đối ứng và hợp tác: a) Thành phố ưu tiên hỗ trợ các dự án có tỷ lệ vốn đối ứng cao, có phương án chia sẻ hạ tầng dùng chung, hoặc có mô hình chia sẻ lợi ích với cộng đồng; b) Khuyến khích và ưu tiên các mô hình liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa Nhà nước - doanh nghiệp - trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển. 5. Không hỗ trợ trùng lặp từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung chi đối với một đối tượng. 6. Việc giải ngân kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo tiến	Thành phố; (2) Thực hiện xét chọn công khai, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng; (3) Đánh giá, nghiệm thu dựa trên kết quả đầu ra, hiệu quả khai thác thực tế và mức độ đóng góp kinh tế - xã hội, đồng thời áp dụng cơ chế chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; (4) Ưu tiên các dự án có tỷ lệ vốn đối ứng cao, có phương án chia sẻ hạ tầng dùng chung hoặc mô hình liên kết hợp tác giữa Nhà nước – Doanh nghiệp – Trường đại học, Viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế; (5) Không hỗ trợ trùng lặp từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung chi đối với một đối tượng; (6) Giải ngân kinh phí theo tiến độ và kết quả thực hiện các nội dung cam kết; và (7) Quyền quản lý, sử dụng, sở hữu và việc xử lý tài sản hình thành, trang bị từ kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định pháp luật về tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH / CĂN CỨ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	độ và kết quả thực hiện các nội dung cam kết. 7. Quyền quản lý, sử dụng, sở hữu và việc xử lý tài sản hình thành, trang bị từ kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định pháp luật về tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	
Chương II. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ HỆ THỐNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO		
Điều 59 Luật số 93/2025/QH15, Điều 40 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP (hạ tầng dùng chung cấp quốc gia); Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15, Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 (hạ tầng số, hệ thống số)	Điều 4. Danh mục hạ tầng. Nhóm 1 (hạ tầng vật lý: không gian làm việc, phòng thí nghiệm, cơ sở thử nghiệm, trang thiết bị chuyên dụng); Nhóm 2 (hạ tầng số, hệ thống số: hệ thống kỹ thuật, kết nối, điện toán, lưu trữ, nền tảng số, dữ liệu số).	Điểm khác biệt so với Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND của thành phố Hà Nội: dự thảo phân loại hạ tầng thành 02 Nhóm riêng biệt (vật lý/số) làm cơ sở phân định mức ưu đãi và tiến độ giải ngân tương ứng (Điều 6), trong khi Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND áp dụng một khung mức hỗ trợ chung không phân theo loại hạ tầng.
Luật Doanh nghiệp; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Điều 5. Tiêu chí thực hiện hỗ trợ. Đối với dự án: phù hợp chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển của Thành phố; cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 05 năm (Nhóm 1)/03 năm (Nhóm 2); địa điểm, quản trị, lưu trữ dữ liệu tại Thành phố/Việt Nam. Đối với tổ chức, doanh nghiệp: tư cách pháp lý, không nợ thuế/bảo hiểm xã hội, năng lực tài chính, không đang chia tách/giải thể/phá sản, không trùng lặp hỗ trợ; riêng doanh nghiệp phải có chi cho nghiên cứu và phát triển tối thiểu 2% doanh thu thuần hoặc từ 200 tỷ đồng/năm, có tối thiểu 10 nhân lực trình độ đại học (03 đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa), trong đó ít nhất 50% là công dân Việt Nam.	Khác biệt so với Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND của thành phố Hà Nội: Hội đồng nhân dân Thành phố Đồng Nai trực tiếp quy định tiêu chí xét duyệt, kể cả tiêu chí định lượng năng lực nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp, ngay trong Nghị quyết, hạn chế tối đa việc ủy quyền nội dung cốt lõi cho Ủy ban nhân dân Thành phố phù hợp nguyên tắc phân định thẩm quyền lập quy theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Hội đồng nhân dân quyết định nguyên tắc, mức tối đa, điều kiện cơ bản; Ủy ban nhân dân quy định hồ sơ, biểu mẫu, quy trình).

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH / CĂN CỨ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15	Điều 6. Nội dung hỗ trợ hạ tầng. Mức trần: 25 tỷ đồng/tổ chức (thuộc Danh mục công nghệ chiến lược); 5 tỷ (Nhóm 1)/3 tỷ (Nhóm 2) đồng/tổ chức (ngoài danh mục); tối đa 50% tổng mức đầu tư. Giải ngân theo mốc (Nhóm 1: 40%-30%-30%; Nhóm 2: 60%-40%); yêu cầu bảo lãnh ngân hàng hoặc biện pháp bảo đảm hợp pháp khác trước mỗi đợt cấp; cơ chế thu hồi qua bảo lãnh khi vi phạm do lỗi chủ quan.	Khác biệt căn bản với Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND thành phố Hà Nội ở tiêu chí phân định mức hỗ trợ: Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND phân biệt theo loại hình sở hữu tổ chức (công lập/tư nhân), còn dự thảo phân biệt theo lĩnh vực công nghệ (có/không thuộc Danh mục công nghệ chiến lược), tạo sân chơi bình đẳng hơn giữa các thành phần kinh tế theo tinh thần khoản 5 Điều 5 Luật số 93/2025/QH15 về quyền tự chủ của tổ chức khoa học, công nghệ. Cơ chế bảo lãnh ngân hàng trước khi giải ngân từng đợt là điểm bổ sung nhằm bảo đảm an toàn nguồn vốn ngân sách khi tỷ lệ giải ngân đợt đầu tương đối cao.
Nghị định số 268/2025/NĐ-CP (điều kiện công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo);	Điều 7. Nội dung hỗ trợ Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. 06 khoản mục hỗ trợ không hoàn lại, không cần vốn đối ứng: hạ tầng, trang thiết bị, vận hành tối đa 100 tỷ đồng/Trung tâm; vận hành kỹ thuật, đào tạo nhân lực, thuê tư vấn và đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, hợp tác quốc tế mỗi khoản tối đa 10 tỷ đồng/Trung tâm; thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và phát triển tối đa 5 tỷ đồng/Trung tâm.	Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND của thành phố Hà Nội không thiết kế một Điều riêng cho Trung tâm đổi mới sáng tạo với cơ chế tài trợ tài chính quy mô lớn, chỉ dừng ở hỗ trợ thủ tục hành chính, pháp lý công nhận Trung tâm.
Chương III. KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN		
Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)	Điều 8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ. Hồ sơ đề nghị đăng ký thực hiện danh mục, Trình tự, thủ tục thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ áp dụng theo trình tự, thủ tục quản lý, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được quy định theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Việc dẫn chiếu thống nhất đến pháp luật quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hiện có của Thành phố (đang áp dụng chung cho chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo) bảo đảm không ban hành thêm biểu mẫu, quy trình, thủ tục hành chính độc lập, phù hợp yêu cầu tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH / CĂN CỨ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật.
Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15	Điều 9. Kinh phí thực hiện. Từ nguồn chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của ngân sách Thành phố, trong phạm vi dự toán hằng năm được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách.	Nguồn kinh phí phù hợp nhiệm vụ chi ngân sách địa phương theo Luật Ngân sách nhà nước. Mức, tổng nhu cầu kinh phí cụ thể do Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục hoàn thiện dự toán gửi Sở Tài chính cho ý kiến chính thức trước khi trình, theo đúng quy định pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với chính sách có tác động về ngân sách.
Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 (thẩm quyền, trách nhiệm giám sát của Hội đồng nhân dân)	Điều 10. Tổ chức thực hiện. 1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố: a) Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan; b) Tổ chức cập nhật, công bố thông tin về tình hình thực hiện chính sách, hiệu quả đầu tư và khai thác hạ tầng; c) Định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về kết quả tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả chính sách và kiến nghị điều chỉnh nếu cần thiết; 2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.	Kế thừa cơ bản trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố theo Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND của thành phố Hà Nội (chỉ đạo, phân công, báo cáo định kỳ, thuê tư vấn độc lập khi cần thiết); phù hợp thẩm quyền giám sát của Hội đồng nhân dân theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương.
—	Điều 11. Hiệu lực thi hành.	Quy định thời điểm có hiệu lực và nguyên tắc áp dụng văn bản dẫn chiếu khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế, theo

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH / CĂN CỨ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		đúng yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.